

Bản án số: 48/2023/HSST

Ngày: 25-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Âu.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Khắc Vinh và bà Sào Thị Lư.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/HSST, ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 8 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HS ngày 21/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Đắc Mil đối với:

Bị cáo Phạm Thị L, sinh năm 1991, tại tỉnh Đắc Nông; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H1, xã H2, huyện S, tỉnh Đắc Nông; Trú tại: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 01/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Vũ Thị L1, sinh năm 1949; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn H3, sinh năm 1975 và 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/01/2023 đến ngày 03/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Ngày 14/7/2023 bị bắt tạm giam, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông – Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1964 – vắng mặt; bà Đoàn Thị T, sinh năm 1972 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Bon S1, xã A, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị L:* Bà Bùi Thị H – Có mặt.

Bà Nguyễn Thị X (Vắng mặt) - Là các trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Nông.

Cùng địa chỉ: Số 01 Chu Văn An, phường T1, thành phố N, tỉnh Đắk Nông.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Thị L:* Bà Vũ Thị L1 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H1, xã Thuận H, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 31/01/2023, Phạm Thị L đi bộ từ phòng trọ đến cửa hàng tạp hóa của ông Nguyễn Ngọc V tại bon S1, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông để mua rượu, khi đến nơi L phát hiện trên tủ kính trưng bày hàng hóa có chùm chìa khóa và không có ai trông coi cửa hàng nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đi vào trong lấy chùm chìa khóa mở khóa tủ lấy được 2.530.000 đồng bỏ vào trong túi áo khoác rồi đóng cửa tủ, bỏ chìa khóa lại chỗ cũ và đi đến quán tạp hóa của chị Dương Thị Bích H4, tại bon S1, xã A, huyện M, tỉnh Đắk Nông để mua rượu. Lúc này ông V phát hiện bị mất tiền nên đã đuổi theo đến quán chị H4 và cùng người dân bắt giữ L, sau đó L đã trả lại cho ông V số tiền 2.530.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 139/KL-GĐ ngày 04/7/2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên kết luận:

1.1 Kết luận về y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 31/01/2023 và hiện tại Phạm Thị L bị bệnh chậm phát triển tâm thần không biệt định (theo bảng phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 (ICD10), có mã số bệnh là F79).

1.2 Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 31/01/2023 và hiện tại Phạm Thị L bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

2. Ý kiến khác: Không áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh bắt buộc.

Tại bản Cáo trạng số 54/CTr – VKS ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Đắk Mil giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của BLHS, đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Thị L từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra để giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông đã trả lại số tiền 2.530.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc V là chủ sở hữu hợp pháp.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị L trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo, đồng ý với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị; đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS gồm bị cáo có trình độ học vấn thấp, có khó khăn về kinh tế, được bị hại bãi nại, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 36 của BLHS để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Về án phí, đề nghị HĐXX căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động chính đáng của mình nên vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 31/01/2023, tại bon S1, xã A, huyện M, tỉnh Đăk Nông, bị cáo Phạm Thị L có hành vi lén lút trộm cắp của gia đình ông Nguyễn Ngọc V 2.530.000đ. Hành vi của bị cáo Phạm Thị L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

[3] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và làm mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, để có tiền tiêu xài phục vụ cho lợi ích cá nhân, nên bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp của ông Nguyễn Thành V số tiền 2.530.000 đồng. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội chưa gây ra thiệt hại, số tiền trộm cắp đã được trả lại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi; có trình độ học vấn thấp; bị cáo là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo thường xuyên sống lang thang và không có nơi cư trú nhất định, do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Xét quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận; riêng đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với cáo là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do đó không đặt ra để giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án: Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M trả lại số tiền 2.530.000 đồng cho bị hại ông Nguyễn Thành V là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên miễn án phí HSST đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị L 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2023, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 03/02/2023.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đắk Mil trả lại cho ông Nguyễn Ngọc V 2.530.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí HSST cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận NVHS Công an huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Mil;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu

